TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Bản án số: 38 /2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v Tranh chấp đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Khắc Thân
2. Bà Phạm Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2019/TLST-DS ngày 29/5/2019 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐST-DS ngày 14/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 30 /2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ giữa các đương sự :

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Xuân V, sinh năm: 1962. (có mặt)
Nơi cư trú: tổ 12, kp. S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
Chổ ở hiện nay: tổ 23, khu phố H, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967. (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ 12, kp. S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-V ng Tàu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
1. Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Phú Mỹ.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T, sinh năm: 1976
Ông Đỗ Quang T, sinh năm: 1981
Bà Trần Thị Trung T, sinh năm: 1984
(Tất cả đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: 2457 đường Đ, phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
2. Bà Trương Thị Đan H, sinh năm: 1986. (vắng mặt)
Nơi cư trú: tổ 12, kp. S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
3. Bà Bùi Ngọc N, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Nơi cư trú: ấp A, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Chổ ở hiện nay: kp. S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

4. Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm: 1993. (vắng mặt)

Nơi cư trú: B, xã H, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

5. Bà Phạm Tuyết V, sinh năm: 1998. (vắng mặt)

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

6. Bà Trần Thị Kim E, sinh năm: 1970. (vắng mặt)

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

7. Ông Phạm Bá P, sinh năm: 1970. (vắng mặt)

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

8. Bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xẻo Gia, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-V ng Tàu.

9. Ông Phạm Khiết Đ, sinh năm: 1994. (vắng mặt)

Nơi cư trú: X, xã V, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- VũngTàu.

10. Bà Phạm Ngọc K, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: xã B, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa-V ng Tàu.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- VũngTàu.

11. Ông Võ Tư N, sinh năm: 1984. (vắng mặt)

Nơi cư trú: 191/4 P, phường b, thành phố Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

12. Ông Thống Lý V, sinh năm: 1983. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, V, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kp.S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- VũngTàu.

13. Bà Mai Ánh T, sinh năm: 1990. (vắng mặt)

Nơi cư trú: B, II, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Chổ ở hiện nay: tổ 12, kpS, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Xuân V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị N trước đây có quan hệ vợ chồng. Tại bản án số 39/2018/HNGĐ-ST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ) và Bản án số 22/2018/DSPT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã giải quyết cho ông và bà N ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Theo đó, Tòa án đã xác định quyền sử dụng đất thửa 68 tờ bản số số 13 tại xã T, huyện Tân Thành (nay là phường T, thị xã Phú Mỹ) là tài sản riêng của ông, giao cho ông được quyền sử dụng và sở hữu các tài sản gắn liền trên thửa đất số 68 là: 01 căn nhà cấp 4 A5, mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch; 01 căn nhà cấp 3 A2, lợp mái tôn, trần la phông, nền gạch men; 01 dãy nhà cấp 4 A4, nền gạch men, mái tôn, trần tôn lạnh.

Ngoài ra 2 bản án còn chia cho ông và bà N một số tài sản khác. Bà N phải thanh toán cho ông khoản tiền chênh lệch tài sản là: 305.854.024 đồng (Ba trăm lẻ năm triệu, tám trăm năm mươi bốn nghìn, không trăm hai mươi bốn đồng).

Trước đây trong quá trình sống chung do mâu thuẫn vợ chồng nên ông đã dọn ngoài ở. Bà N và con chung là Trương Thị Đan H sống trên nhà đất ở thửa số 68. Cháu H, là con chung của ông và bà N, cháu Hà bị chậm phát triển nhưng vẫn đi làm giúp việc cho trường học, có thu nhập. Cháu Hà trước nay vẫn ở trong nhà.

Sau khi có bản án phúc thẩm bà N không chịu dọn đi giao trả lại nhà đất cho ông. Ông đã có đơn yêu cầu cơ quan thi hành án thị xã Phú Mỹ thi hành 2 bản án, tuy nhiên cơ quan thi hành án cho rằng do bản án không tuyên nội dung: Bà N phải giao trả nhà cho ông nên cơ quan thi hành án không thể buộc bà N dọn ra khỏi, giao trả nhà cho ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N phải dọn ra khỏi nhà, giao trả cho ông quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thuộc thửa 68 tờ bản số số 13 tại xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã Phú Mỹ) trên đất có: 01 căn nhà cấp 4 A5, mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch; 01 căn nhà cấp 3 A2, lợp mái tôn, trần la phộng, nền gạch men; và 01 dãy nhà cấp 4 A4, nền gạch men, mái tôn, trần tôn lạnh. Cháu H được ở lại trong nhà với ông. Về tài sản trong nhà không có tranh chấp. Đối với dãy nhà cấp 4 được phân thành phòng trọ cho người thuê, đối với những người thuê trọ hiện nay đang thuê theo từng tháng, ông yêu cầu những người này giao trả lại diện tích đang thuê cho ông. Sau khi ông tiếp nhận lại nhà, nếu họ vẫn có nhu cầu ở ông vẫn sẽ tiếp tục cho thuê.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc D, bà Phạm Tuyết V, bà Trần Thị Kim E, ông Phạm Bá P, bà Đoàn Thị L, ông Phạm Khiết Đ, bà Phạm Ngọc K, ông Võ Tư N, ông Thống Lý V, bà Mai Ánh T được triệu tập hợp nhiều lần nhưng không đến tòa làm việc, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Hợp đồng tín dụng số 01/2015/2232813/HĐTD ngày 02/10/2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2016/2232813/HĐTD ngày 19/02/2016 giữa ông Trương Xuân V , bà Nguyễn Thị N đã quá hạn thanh toán, ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thửa 68 tờ bản số số 13 tại phường S, thị xã Phú Mỹ để thu hồi nợ theo bản án số 22/2018/DSPT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận tòa vộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị N phải dọn ra khỏi nhà, giao trả cho ông quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thửa 68 tờ bản số số 13 tại xã T, huyện Tân Thành (nay là phường T, thị xã Phú Mỹ) trên đất có: 01 căn nhà cấp 4 A5, mái lợp tôn, nền xi măng, tường xây gạch; 01 căn nhà cấp 3 A2, lợp mái tôn, trần la phông, nền gạch men; và 01 dãy nhà cấp 4 A4, nền gạch men, mái tôn, trần tôn lạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trương Xuân V khởi kiện bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại khu phố S, phường T, thị xã Phú Mỹ tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là nơi cư trú của bà N, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại bản án số 39/2018/HNGĐ-ST ngày 08/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ) và Bản án số 22/2018/DSPT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-V ng Tàu, đã tuyên xử cho ông Trương Xuân V được ly hôn với bà Nguyễn Thị N và giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án đã xác định quyền sử dụng đất diện tích 381m^2 thuộc thửa 68 tờ bản đồ số 13 tại xã T, huyện Tân Thành (nay là phường T, thị xã Phú Mỹ) đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P809993 ngày 07/12/2000 là tài sản thuộc quyền sử dụng riêng của ông Trương Xuân V. Ông V được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng là: Một căn nhà cấp 3A2, 02 căn nhà cấp 4 (01 căn nhà cấp 4 xây kiểu các phòng trọ) được xây trên thửa đất 68 tờ bản đồ số 13 và một số quyền sử dụng đất khác. Ông V không phải hoàn lại tiền nữa giá trị căn nhà cho bà N do tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông V nhận được bằng hiện vật ít hơn bà N.

Tuy nhiên, sau khi có bản án phúc thẩm bà N vẫn tiếp tục ở tại căn nhà cấp 3A2 và cho thuê 02 căn nhà cấp 4 trên thửa đất 68 tờ bản đồ số 13 mà không bàn giao cho ông V. Ngày 19/12/2018, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ có

Quyết định số 481/QĐ-CCTHADS theo đó buộc bà Nguyễn Thị N phải giao cho ông Trương Xuân V 01 căn nhà cấp 3A2, 02 căn nhà cấp 4 (01 căn nhà cấp 4 xây kiểu các phòng trọ) được xây trên thửa đất 68 tờ bản đồ số 13 tại xã T, huyện Tân Thành. Đến ngày 11/6/2019, Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ có quyết định số 67/QĐ-CCTHADS thu hồi toàn bộ Quyết định số 481/QĐ-CCTHADS ngày 19/12/2018, lý do Bản án không xác định nghĩa vụ phải giao tài sản của bà Nguyễn Thị N theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Luật thi hành án dân sự và khoản 4 Điều 7 Nghị định 62/2015/NĐ-CP.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông V, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Bản án số 22/2018/DSPT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-V ng Tàu, ông V là chủ sử dụng hợp pháp của quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thửa 68 tờ bản số số 13 tại phường S, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu và 01 căn nhà cấp 3A2 và 02 căn nhà cấp 4 trên đất. Ông V có các quyền của chủ sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai 2013. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông V buộc bà N giao trả những tài sản trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà N không đến tòa làm việc, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của ông V, điều đó không những thể hiện thái độ không hợp tác, coi thường cơ quan tố tụng mà còn không thiện chí trong việc giải quyết vụ án. Do bà N đã quản lý nhà đất hơn 01 năm kể từ khi tòa án giao số tài sản này cho ông V và khi ly hôn, bà N cũng được chia một số tài sản là quyền sử dụng đất khác. Nên hội đồng xét xử không xem xét quyền lưu cư cho bà N.

Đối với bà Trương Thị Đang H là con của ông V, bà N đang sống chung với bà N tại nhà đất tranh chấp. Ông V không yêu cầu bà Hà phải ra dọn ra khỏi nhà.

Đối với bà Bùi Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc D, bà Phạm Tuyết V, bà Trần Thị Kim E, ông Phạm Bá P, bà Đoàn Thị L, ông Phạm Khiết Đ, bà Phạm Ngọc K, ông Võ Tư N, ông Thống Lý V, bà Mai Ánh T là những người đang thuê dãy phòng trọ của bà N. Tòa án đã mời nhiều lần nhưng không ai đến tòa làm việc, không có ý kiến, không xuất trình tài liệu liên quan đến việc thuê phòng trọ giữa mình và bà N. Hội đồng xét xử xét thấy các ông bà nêu trên đã thuê phòng từ bà N, không phải là chủ sử dụng hợp pháp. Yêu cầu kiện đòi tài sản của ông V là có căn cứ nên buộc các ông bà phải dọn tài sản của mình ra ngoài, giao trả cho ông V phần nhà đất mà mình đã thuê từ bà N. Liên quan đến hợp đồng thuê phòng (nhà) giữa các ông bà và bà N nếu có tranh chấp thì khởi kiện để được giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh Phú Mỹ, quyền lợi liên quan đến hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thửa 68 tờ bản số số 13 đã được giải quyết tại Bản án số 22/2018/DSPT ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Trong vụ án này ngân hàng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp. Số tiền

này ông Trương Xuân V đã nộp tạm ứng, do đó bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trương Xuân V 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp.

Về án dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, Điều 166 Luật đất đai 2013 .

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân V về việc kiện đòi tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị N giao trả cho ông Trương Xuân V quyền sử dụng đất diện tích 381 m^2 thuộc thửa 68 tờ bản đồ số 13 tại khu phố S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu trên đất có: 01 căn nhà cấp 3A2 và 02 căn nhà cấp 4 (01 căn nhà xây kiểu các phòng trọ). Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số F809993 vào sổ số 02085QSDĐ/347/QĐ-UBH ngày 07/12/2000.

Bà Bùi Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc D, bà Phạm Tuyết V, bà Trần Thị Kim E, ông Phạm Bá P, bà Đoàn Thị L, ông Phạm Khiết Đ, bà Phạm Ngọc K, ông Võ Tư N, ông Thống Lý V, bà Mai Ánh T giao trả cho ông Trương Xuân V phần diện tích công trình nhà đất đang thuê sử dụng tại thửa 68 tờ bản số số 13 tại khu phố S, phường T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp. Số tiền này ông Trương Xuân V đã nộp tạm ứng, do đó bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Trương Xuân V 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp.

Về án dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trương Xuân V 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008557 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án (bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tx. Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thảo Nguyên